

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 128/2025/HS-PT
Ngày: 12- 11 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Dung; Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 138/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Anh D, Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G, Đặng Thanh L do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại Bùi Gia B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Anh D**, sinh năm: 2001 tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Số định danh cá nhân: 082201000759; nơi cư trú: ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim H và bà Nguyễn Thị H1; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 23/4/2025 cho đến nay.

2. **Huỳnh Minh T**, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2008 tại tỉnh Vĩnh Long; Số định danh cá nhân: 086208005265; nơi cư trú: ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh T1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

3. **Bùi Phúc G**, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2008 tại tỉnh Vĩnh Long; Số định danh cá nhân: 086208002448; nơi cư trú: ấp H, xã N, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tấn P và bà Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

4. **Đặng Thanh L**, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2008 tại tỉnh Vĩnh Long; Số định danh cá nhân: 086208001867; nơi cư trú: ấp H, xã N, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thanh H2 và bà Trần Thị Ngọc Đ1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh D*: Luật sư Nguyễn Đình Thái H3 - Đoàn Luật sư thành phố Đ.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Phúc G*: Luật sư Thái Thị Diễm T2- Đoàn Luật sư tỉnh A.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G, Đặng Thanh L*: Luật sư Cao Thế L1- Đoàn Luật sư tỉnh B.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Huỳnh Minh T*: Ông Huỳnh Văn Đ (cha của bị cáo), sinh năm: 1983; nơi cư trú: ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Phúc G*: Ông Bùi Tấn P (cha của bị cáo), sinh năm: 1984; và bà Nguyễn Thị N (mẹ của bị cáo), sinh năm: 1986; nơi cư trú: ấp H, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đặng Thanh L*: Ông Đặng Thanh H2 (cha của bị cáo), sinh năm: 1985 và bà Trần Thị Ngọc Đ1 (mẹ của bị cáo), sinh năm: 1987; nơi cư trú: ấp H, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị hại*: Bùi Gia B, sinh năm 2006; nơi cư trú: ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

(Tất cả có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ, ngày 12/10/2024, anh Bùi Gia B đến nhà của anh Nguyễn Duy K mượn xe mô tô Suzuki Satria mang biển số: 60B6-722.41 đi uống cà phê. Sau khi mượn được xe, B điều khiển xe chở anh Nguyễn Văn L2 đến quán Bida của ông Trần Thanh L3 thuộc: ấp H, xã N, tỉnh Vĩnh Long để đánh B1. Khi đến quán thì B gặp Nguyễn Anh D đang đánh B1 với Huỳnh Minh T. Sau đó D và T ra về, trên đường về D nhớ lại việc mâu thuẫn trước đó với B nên D kêu T gọi điện cho Bùi Phúc G rủ G đến chém B, T sử dụng số thuê bao: 0766.014.560 gọi vào số thuê bao: 0778.136.787 của G nói "Duy có chuyện mày ra được không" G đồng ý, kêu T rước G, sau đó T chở D về nhà của D. T điều khiển xe đi rước Gia. D vào trong nhà lấy 03 con dao tự chế rồi điều khiển xe mô tô biển số: 52X3-4109 đến

Ngã ba đường gần quán B2 chờ T và G đến. Khi D gặp T và G thì D kêu G vào trong quán B1 ngồi chờ khi nào B đi ra thì nhá máy điện thoại cho hay xông vào chém B, khi G đi vào trong thì D gọi cho L 02 cuộc điện thoại nhưng L không bắt máy nên D điều khiển xe mô tô đến nhà rước L đi đánh B và L đồng ý nên đem theo 01 cây gậy bóng chày rồi cả hai quay lại chỗ T đang chờ.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, B nghỉ đánh Bida tính tiền chuẩn bị về thì G sử dụng số thuê bao: 0778.136.787 nhắn tin vào số thuê bao: 0387.887.988 của D nội dung: "gần xong rồi" Gia đi ra chỗ nhóm D đang chờ cho hay. Lúc này D đưa cho T 01 (một) con dao cán bằng gỗ, dạng dẹp màu nâu; dài 50 cm; cán dài 13 cm; lưỡi bằng kim loại dài 37 cm, nặng 520 gam; đưa cho G 01 (một) con dao cán bằng gỗ tròn, màu vàng, dài 49 cm; cán dài 16 cm; lưỡi bằng kim loại dài 33 cm, nặng 400 gam, D 01 (một) con dao cán bằng gỗ tròn, màu nâu dài 47 cm, cán dao dài 14 cm; lưỡi bằng kim loại dài 33 cm, nặng 420 gam. L cầm 01 cây gậy bóng chày làm bằng kim loại, sơn màu đỏ, cán được bọc bằng nhựa màu đen, cân nặng 980 gam, trên thân gậy có dòng chữ "Supreme" màu trắng.

Khi B điều khiển xe biển số 60B6-722.41 ra vừa đến đường nhựa trước quán B2 thì D chạy đến chém vào tay trái của B nhưng do B mặc áo dài tay nên không gây thương tích, B bỏ xe mô tô ngã sang phải rồi bỏ chạy vào trong quán. D, T, G và L cầm hung khí đuổi theo, B chạy vào một đoạn thì chạy ngược ra nhưng vấp vào bàn nước nên bị mất đà loạng choạng trong tư thế khom người thì D, T, G dùng dao chém vào lưng, mỗi người chém 01 cái, L dùng gậy bóng chày đánh 03 cái vào lưng B. B tiếp tục bỏ chạy ra phía trước cổng vào quán Bida thì bị vấp ngã, Bảo xoay người lại nằm ngửa thì bị D dùng dao chém vào cánh tay phải, cẳng tay phải; G dùng dao chém vào cẳng chân phải gây thương tích, tất cả thấy B co người lại không còn kháng cự nên dừng lại không chém, đánh B. D nói với T, G và L "lấy xe luôn đi" nghe vậy L đến đỡ xe của B lên nhưng do xe côn tay không chạy được nên D kêu G chạy xe của B về nhà L. Sau đó, D và T đến nhà L, D ngồi lên xe mô tô biển số 60B6-722.41 của B còn T điều khiển xe mô tô biển số 60B2-885.53 đẩy xe mô tô biển số 60B6-722.41 của B về đậu ở cặp bên hông nhà của T cất giấu. Sau đó Công an xã M (nay là xã N) mời D làm việc. Qua làm việc D, T, G và L thừa nhận hành vi phạm tội và đã giao nộp lại xe mô tô biển số 60B6-722.41 và hung khí là 03 con dao và 01 cây gậy bóng chày đã dùng gây thương tích cho B. Sự việc xảy ra B được đưa đến Bệnh viện Đ2 điều trị đến ngày 16/10/2024 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 284/KLTTCT/TPPY, ngày 07/11/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh V. Kết luận đối với Bùi Gia B như sau: Các kết quả chính: Chấn thương đầu buồn nôn. Hiện tại không phát hiện dấu chấn thương; 02 vết thương cánh tay phải khoảng 03 cm. Hiện tại sẹo kích thước 4,3x0,2 cm và 3,2x0,3 cm; 01 vết thương cẳng tay phải khoảng 03 cm, theo dõi trật khớp quanh nguyệt cổ tay phải. Hiện tại sẹo kích thước 4x0,1

cm; 01 vết thương căng chân phải khoảng 05 cm, gãy 1/3 dưới xương chày phải. Hiện tại sẹo kích thước 9,5x0,1 cm. Đường sáng bất thường 1/3 dưới xương chày phải; Trầy xước thành ngực hông trái. Hiện tại biến đổi sắc tố da kích thước 4x0,1 cm. Kết luận: Căn cứ thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Gia B tại thời điểm giám định là 21% (Hai mươi một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 35/KLĐGTS ngày 12/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M, tỉnh Vĩnh Long, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki mang biển số 60B6-722.41, số khung: MH8DL11AZLJ226275; số máy: CGA1ID226255, xe cũ đã qua sử dụng, có giá trị 8.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Vĩnh Long đã tuyên:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh D phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Cướp tài sản”

1.1 Đối với tội “Cố ý gây thương tích”: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.2 Đối với tội “Cướp tài sản”: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 01 (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự: tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2024.

2. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Cướp tài sản”

2.1 Đối với tội “Cố ý gây thương tích”: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp Người Chưa Thành N1. Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 01 (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2 Đối với tội “Cướp tài sản”: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp Người Chưa Thành N1. Xử phạt bị cáo Huỳnh

Minh T 06 (tháng) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự: tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Tuyên bố bị cáo Bùi Phúc G phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Cướp tài sản”

3.1 Đối với tội “Cố ý gây thương tích”: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp Người Chưa Thành N1. Xử phạt bị cáo Bùi Phúc G 01 (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3.2 Đối với tội “Cướp tài sản”: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp Người Chưa Thành N1. Xử phạt bị cáo Bùi Phúc G 06 (tháng) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự: tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Tuyên bố bị cáo Đặng Thanh L phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Cướp tài sản”

4.1 Đối với tội “Cố ý gây thương tích”: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự ; khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp Người Chưa Thành N1. Xử phạt bị cáo Đặng Thanh L 01 (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4.2 Đối với tội “Cướp tài sản”: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp Người Chưa Thành N1. Xử phạt bị cáo Đặng Thanh L 06 (tháng) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự: tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/8/2025, các bị cáo Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G và Đặng Thanh L kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Cố ý gây thương tích” và xem xét lại tội danh đối với tội “Cướp tài sản”.

Ngày 30/8/2025, bị cáo Nguyễn Anh D kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/9/2025, bị hại Bùi Gia B kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Anh D, Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G và Đặng Thanh L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm đối với tội “Cố ý gây thương tích”. Đối với tội “Cướp tài sản” các bị cáo yêu cầu xem xét lại tội danh.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Đối với tội “Cố ý gây thương tích”, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với tội “Cướp tài sản”, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; áp dụng cho các bị cáo những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không đúng quy định; Thành viên Hội đồng xét xử có 01 Hội thẩm nhân dân là Nguyên Bí thư đoàn thanh niên là vi phạm thủ tục tố tụng do không còn tham gia công tác trong tổ chức Đoàn thanh niên nên đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST ngày 18-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Vĩnh Long. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 2- Vĩnh Long để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Anh D, Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G, Đặng Thanh L thống nhất với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Bùi Gia B yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh D là Luật sư Nguyễn Đình Thái H3 cho rằng Viện kiểm sát không có kháng nghị nên không có quyền đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Bị cáo D trước đó đã bị bị hại xít hơi cay vào mặt xuất phát từ mâu thuẫn việc nợ tiền trước đó. Bị hại còn nghe, biết các bị cáo lấy xe nên chưa lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Do đó không đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G, Đặng Thanh L là Luật sư Cao Thế L1 cho rằng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” do bị hại nghe, biết rõ các bị cáo kêu anh K đến nhà mẹ bị cáo D trả nợ để lấy xe lại chứ không phải lấy xe của bị hại. Đối với tội “Cố ý gây thương tích” đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do gia đình các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại theo bản án sơ thẩm đã tuyên, thậm chí vượt quá số tiền bồi thường còn lại.

Không chấp nhận đề nghị hủy bản án sơ thẩm theo hướng bất lợi đối với các bị cáo mà Kiểm sát viên đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Phúc G là Luật sư Thái Thị Diễm T2 cho rằng Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án sơ thẩm theo hướng bất lợi đối với các bị cáo trong khi không có kháng nghị theo hướng này là không đúng với quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo mang xe mô tô do bị hại đang sử dụng về nhà và ngay sau đó giao nộp cho Công an nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Đối với tội “Cố ý gây thương tích” đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới là đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại.

Bị cáo Nguyễn Anh D nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Huỳnh Minh T nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Bùi Phúc G nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt do bị cáo có khắc phục hậu quả cho bị hại.

Bị cáo Đặng Thanh L nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt do bị cáo ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định: Vào khoảng 17 giờ ngày 12 tháng 10 năm 2024, Nguyễn Anh D gặp Bùi Gia B tại quán bi da ở ấp L, xã N, tỉnh Vĩnh Long. Do nhớ lại mâu thuẫn trước đó với Bùi Gia B nên Nguyễn Anh D rủ Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G và Đặng Thanh L cùng đi gặp B để gây thương tích cho B. Đến khoảng 23 giờ 30 phút khi B điều khiển xe mô tô biển số 60B6-722.41 ra vừa đến đường nhựa trước quán bi da, Nguyễn Anh D, Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G dùng dao, vật sắc nhọn, Đặng Thanh L dùng gậy bóng chày bằng kim loại đánh, chém gây thương tích cho Bùi Gia B với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do

thương tích gây ra là 21%. Sau đó, lợi dụng việc Bảo lâm vào tình trạng không thể chống cự được, các bị cáo D, L, G và T chiếm đoạt xe mô tô biển số 60B6-722.41 của Bùi Gia B đang quản lý sử dụng, theo kết luận định giá tài sản trị giá 8.000.000 đồng. Với hành vi và hậu quả như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Nguyễn Anh D, Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G, Đặng Thanh L phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, đ, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này*” và tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo yêu cầu xem xét lại tội danh “Cướp tài sản” do không có ý thức chiếm đoạt xe của anh B mà chỉ muốn lấy xe mô tô của anh Nguyễn Duy K để anh K trả tiền nợ đã mượn trước đó. Tuy nhiên, các bị cáo thừa nhận sau khi gây thương tích cho bị hại B, các bị cáo đã lợi dụng việc bị hại B lâm vào tình trạng không thể chống cự được để lấy xe mô tô biển số 60B6-722.41 của Bùi Gia B đang quản lý sử dụng hợp pháp điều khiển đem về nhà của T cất giấu. Khoảng 30 phút sau, Công an mời các bị cáo lên trụ sở làm việc thì bị cáo D mang xe mô tô biển số 60B6-722.41 giao nộp. Các bị cáo đã sử dụng vũ lực như chém, đánh bị hại B cho đến khi bị hại B bất động, không còn kháng cự được để chiếm đoạt xe mô tô biển số 60B6-722.41 do bị hại B đang chiếm hữu hợp pháp đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Cướp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật, không oan sai như lời trình bày của các bị cáo và lời bào chữa của các luật sư bào chữa cho các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo và của bị hại Bùi Gia B yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đối với tội “Cố ý gây thương tích”, thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo Nguyễn Anh D phải chịu theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G và Đặng Thanh L; khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G, Đặng Thanh L đã đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các nguyên tắc quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 02 (hai) năm tù; xử phạt các bị cáo Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G và Đặng Thanh L 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù giữa gia đình các bị cáo và bị hại xác định các bị cáo

đã bồi thường toàn bộ thiệt hại theo nội dung bản án sơ thẩm tuyên. Song mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là đã có xem xét khi quyết định hình phạt. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Cố ý gây thương tích” theo yêu cầu kháng cáo của của các bị cáo, của bị hại Bùi Gia B và đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo.

[4] Đối với tội “Cướp tài sản” khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tuy nhiên, đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” mặc dù bản án nhận định “*các bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiền thuốc, tiền sửa xe, tiền mất thu nhập ...*” nhưng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đơn yêu cầu bồi thường dân sự cũng như lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều thể hiện bị hại chỉ yêu cầu bồi thường tiền thuốc, tiền mất thu nhập của người bệnh, tiền phục hồi sức khỏe cho người bệnh, tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh, tiền phát sinh khác và tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần là những thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự. Đối với chiếc xe mang biển số 60B6-722.41 do bị cáo Nguyễn Anh D giao nộp theo biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 13/10/2024 là tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt thuộc sở hữu của chị Bùi Thị Huỳnh N2. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N2 yêu cầu được nhận lại xe, Cơ quan điều tra Công an huyện M đã trả lại tài sản cho chị Như theo Quyết định xử lý vật chứng số 144/QĐ- ĐTTH ngày 28/02/2025, ngoài ra chị N2 không có yêu cầu nào khác. Hơn nữa, đối với hành vi gây thương tích cho bị hại, các bị cáo đã bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” nên đối với tội “Cướp tài sản” các bị cáo không bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%*” theo điểm c khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự”. Vì vậy, việc áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ “*tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “Cướp tài sản” là không đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội “Cướp tài sản” là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án theo quy định nên hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST ngày 18-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Vĩnh Long đối với tội “Cướp tài sản”.

[5] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm với các lý do:

Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*” theo điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thấy rằng, việc các bị cáo gây thương tích cho bị hại không có ai can ngăn. Mặc dù, khi bị tấn công, bị hại bỏ chạy, các bị cáo đuổi theo và đã dùng hung khí đánh, chém vào vùng lưng của các bị hại. Bị hại tiếp tục bỏ chạy thì bị vấp ngã, các bị cáo tiếp tục đánh, chém vào vùng tay, chân của các bị hại. Tuy nhiên, việc bị hại bị vấp ngã chưa đủ cơ sở để xác định là trở ngại khách quan để áp dụng tình tiết này. Việc các bị cáo tiếp tục đánh, chém bị hại gây ra hậu quả tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể 21% nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng này là đúng quy định của pháp luật.

Đối với tội “*Cướp tài sản*”, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Thấy rằng, các bị cáo phạm hai tội: tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Cướp tài sản*”. Đối với tội “*Cố ý gây thương tích*” các bị cáo đã bị truy tố, xét xử theo điểm đ khoản 2 thuộc trường hợp điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đối với tội “*Cướp tài sản*” các bị cáo không phải chịu tình tiết định khung tăng nặng này là đúng quy định của pháp luật.

Về thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm có 01 Hội thẩm nhân dân là nguyên Bí thư Đoàn thanh niên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không còn tham gia công tác trong tổ chức Đoàn thanh niên. Thấy rằng, Hội thẩm nhân dân là nguyên Bí thư Đoàn thanh niên tức là đã từng làm cán bộ Đoàn thanh niên nên có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi. Do đó thành phần hội đồng xét xử trong trường hợp này không vi phạm tố tụng.

Từ những nhận định trên cho thấy, đề nghị hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST ngày 18-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Vĩnh Long của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có phần chưa đúng đối với tội “*Cố ý gây thương tích*” mà chỉ có căn cứ để hủy một phần bản án sơ thẩm về tội “*Cướp tài sản*” nên được chấp nhận một phần.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo không phải chịu do bản án sơ thẩm bị hủy một phần;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ

luật Tố tụng hình sự. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST ngày 18-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Vĩnh Long đối với tội “Cướp tài sản”. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 2- Vĩnh Long để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh D, Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G và Đặng Thanh L; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Bùi Gia B; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với tội “Cố ý gây thương tích”.

2.1 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, đ, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/4/2025.

2.2 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, đ, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2.3 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, đ, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Bùi Phúc G 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2.4 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, đ, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Đặng Thanh L 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Anh D, Huỳnh Minh T, Bùi Phúc G và Đặng Thanh L không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 2- Vĩnh Long (12b);
- VKSND khu vực 2- Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 2- Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Nhơn Phú, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Bình Phước, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (4b);
- Bị hại (1b);
- Người bào chữa cho bị cáo (3b);
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo (5b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn